

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN BẮC  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về  
con chung khi ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Phước Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Tấn Khoán.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - Tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kapur Thị Việc, sinh năm 2000 (Có mặt).

Bị đơn: Anh Kator Toàng, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn Suối Vang, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hải (xin vắng mặt) - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kapur Thị Việc trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Việc và anh Kator Toàng tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng khoảng một năm sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị Việc là do anh Toàng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, nhiều lần anh Toàng còn đánh chị Việc. Từ tháng 4/2021 anh Toàng bỏ nhà đi không còn liên lạc với chị Việc. Thỉnh thoảng anh Toàng có về ăn nhậu cùng bạn bè cùng xóm tại thôn Suối Vang, Công Hải nhưng không về nhà với chị Việc. Từ đó đến nay hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Hai người cũng không ai tác động quay về chung sống đoàn tụ được nữa. Do đó, chị Việc làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kator Toàng.

- Về con chung: Chị Việc và anh Toàng có 01 người con chung là Kapur Thị Quỳnh Nga, sinh ngày 16/02/2018. Từ khi anh Toàng bỏ nhà đi chị Việc là người nuôi dưỡng con. Chị Việc có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Toàng phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Việc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Kator Toàng đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/7/2022 nhưng vắng mặt. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22/8/2022 nhưng anh Toàng vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 21/7/2022 do Tòa án thực hiện thì chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú xác nhận chị Việc và anh Toàng có đăng ký hôn tại UBND xã Công Hải năm 2018, vợ chồng chị Việc có 01 người con chung đang sinh sống với chị Việc. Vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng hiện không còn sống chung với nhau nữa hơn một năm nay.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn chị Việc trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Việc có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kator Toàng và yêu cầu được nuôi con chung, anh Kator Toàng có nơi cư trú tại địa bàn huyện Thuận Bắc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi thông báo việc thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, nội dung có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Việc (*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và sổ hộ khẩu, trích lục khai sinh. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn anh Toàng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do chị Việc cung cấp (*khoản 2 Điều 92 của BLTTDS*). Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Toàng vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn anh Toàng đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Toàng.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy chị Việc và anh Toàng tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Công Hải, huyện Thuận Bắc ngày 08/10/2018, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 08/10/2018, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo lời trình bày của chị Việc có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Việc và anh Toàng có xảy ra mâu thuẫn, thường hay xích mích, bất đồng quan điểm cãi nhau do anh Toàng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có hành vi bạo lực với chị Việc. Anh Toàng tự bỏ nhà đi từ tháng 4/2021, chị Việc và anh Toàng đã không sống chung với nhau hơn một năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị Việc cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai không thể quay về chung sống đoàn tụ với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Toàng. Tại Biên bản xác minh ở địa phương nơi đương sự sinh sống có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Việc và anh Toàng hay có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay là đúng sự thật.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của chị Việc anh Toàng là nghiêm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân là do anh Toàng. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Việc được ly hôn anh Toàng.

[3] Về con chung: Chị Việc và anh Toàng có 01 người con chung là Kapur Thị Quỳnh Nga, sinh ngày 16/02/2018. Sau khi sống ly thân chị Việc là người trực tiếp

nuôi dưỡng con chung cho đến nay, do không ghi nhận được ý kiến của anh Toà về việc nuôi dưỡng con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, HĐXX xét thấy tiếp tục giao chỉ Việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chỉ Việc không có yêu cầu anh Toà cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chỉ Việc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án thì chỉ Việc được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị HĐXX trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập tại hồ sơ vụ án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung, xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của HĐXX nên đề nghị của Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Kapur Thị Việc đối với bị đơn là anh Kator Toà.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Kapur Thị Việc được ly hôn anh Kator Toà.

**Về con chung:** Giao cháu Kapur Thị Quỳnh Nga, sinh ngày 16/02/2018 cho chị Kapur Thị Việc có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Kator Toà không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kapur Thị Việc không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Chị Kapur Thị Việc được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2022). Vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thuận Bắc;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Bắc Phong;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Phước Trí**